

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN
Số: 1136/2008/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc
Bắc Kạn, ngày 19 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

WEBSITE CHÍNH CHỦ
CÔNG VĂN BẢN
Số: <u>3168</u>
Ngày <u>19</u> tháng <u>6</u> năm <u>08</u>
Kính chuyển:

Về việc Ban hành Quy chế phối hợp phòng chống tội phạm trong lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/3/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 86/TTr-STTTT ngày 16/6/2008, báo cáo thẩm định số 73/BC-STP ngày 22/4/2008 của Sở Tư pháp về dự thảo Quyết định ban hành kèm theo quy chế phối hợp phòng chống tội phạm trong lĩnh vực Bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp phòng chống tội phạm trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Giám đốc các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *tr*

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra văn bản(Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT.UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Báo Bắc Kạn, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- PVPTH;
- Lưu: VT, KTN, VX

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trương Chí Trung

QUY CHẾ

**Phối hợp phòng chống tội phạm trong lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông
và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1136 /2008/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 6 năm 2008 của UBND tỉnh Bắc Kạn)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Sở Thông tin và Truyền thông; Công an tỉnh; Sở Công Thương; Chi cục Hải quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Các Doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn phải thực hiện theo quy chế này trong việc tăng cường phối hợp phòng chống tội phạm trộm cắp cước viễn thông quốc tế, kinh doanh trái pháp luật dịch vụ điện thoại Internet, các loại thẻ điện thoại lậu; gửi, vận chuyển hàng lậu hàng cấm qua mạng bưu chính, mạng chuyển phát trong lĩnh vực Bưu chính, viễn thông (BCVT) và công nghệ thông tin (CNTT).

Điều 2. Các nội dung cần phối hợp

1. Phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục chính sách, pháp luật về lĩnh vực BCVT và CNTT.
2. Phối hợp đảm bảo an toàn mạng lưới Bưu chính, Viễn thông và an ninh thông tin.
3. Phối hợp thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực BCVT và CNTT.
4. Phối hợp trong việc cung cấp, trao đổi thông tin phục vụ công tác phòng chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực BCVT và CNTT.
5. Phối hợp trong hoạt động điều tra, xác minh và làm rõ các hành vi, mức độ, công nghệ, hình thức, thủ đoạn đối tượng sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm và hoạt động tội phạm trong lĩnh vực BCVT và CNTT.
6. Phối hợp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

7. Phối hợp trong việc tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh các cơ chế giải pháp nâng cao hiệu quả trong việc phòng chống các hành vi vi phạm, tội phạm trong lĩnh vực BCVT và CNTT.

8. Kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực BCVT và CNTT để kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền huỷ bỏ, sửa đổi, bổ sung; xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh những quan hệ xã hội mới phát sinh trong lĩnh vực BCVT và CNTT nhằm tạo ra hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, chặt chẽ, đồng bộ.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Công tác phối hợp được thực hiện trên nguyên tắc kịp thời, hiệu quả, đảm bảo bí mật và tuân thủ đúng quy định của Pháp luật. Quá trình phối hợp không làm ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn của các bên có liên quan.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị đã được pháp luật quy định để thực hiện nhiệm vụ phối hợp. Các đơn vị phối hợp phải cử người có trách nhiệm phụ trách việc theo dõi, cung cấp thông tin, làm đầu mối trong việc phối hợp, giao nhận tài liệu, số liệu liên quan. Người được giao nhiệm vụ có trách nhiệm đảm bảo bí mật thông tin, kịp thời báo cáo người có thẩm quyền trong việc xử lý thông tin, chỉ đạo công tác phối hợp.

3. Việc xử lý các vụ việc liên quan đến công tác phòng chống tội phạm trong lĩnh vực BCVT và CNTT phải được thực hiện theo nguyên tắc: vụ việc thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị nào thì đơn vị đó chủ trì xử lý, các đơn vị khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp khi có yêu cầu và xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình phối hợp, việc cung cấp thông tin, tài liệu phản ánh về hoạt động tội phạm hoặc các dấu hiệu nghi vấn về hoạt động tội phạm phải được thực hiện nhanh chóng, đảm bảo bí mật và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Thông tin phải được cung cấp bằng văn bản thể hiện trên giấy hoặc văn bản điện tử nhưng phải có chữ ký điện tử của thủ trưởng cơ quan cung cấp.

5. Trường hợp cần sự chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền cấp trên hoặc ngoài tỉnh thì tùy theo vụ việc và theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị do đơn vị đó thực hiện.

Điều 4. Phương thức phối hợp

1. Trao đổi, phối hợp tìm kiếm thông tin, cung cấp thông tin về vụ vi phạm bằng văn bản, trao đổi trực tiếp qua điện thoại, tra cứu trực tuyến cơ sở dữ liệu liên quan đến vụ vi phạm.

2. Tổ chức họp bàn giữa các đơn vị có liên quan về hành vi vi phạm, mức độ, hình thức, thủ đoạn mà đối tượng sử dụng và hình thức xử lý hành vi vi phạm.

3. Tổ chức các đoàn liên ngành tiến hành thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về lĩnh vực BCVT và CNTT.

4. Tổng kết rút kinh nghiệm và đề ra giải pháp hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Tiếp nhận và tổng hợp thông tin về các dấu hiệu nghi vấn vận chuyển hàng lậu, hàng cấm qua mạng bưu chính, mạng chuyển phát, trộm cắp cước viễn thông quốc tế, kinh doanh trái phép dịch vụ, thẻ điện thoại internet lậu;

2. Tuỳ theo vụ việc, lĩnh vực cụ thể, kịp thời cung cấp số liệu, tài liệu và phối hợp với đơn vị liên quan trực tiếp để xử lý các vụ vi phạm pháp luật;

3. Chủ trì hoặc phối hợp với các ngành liên quan thanh tra, kiểm tra và xử lý đối tượng vi phạm hành chính hoặc lập hồ sơ chuyển sang cơ quan điều tra nếu có dấu hiệu tội phạm theo quy định của Luật Thanh tra năm 2004 và Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002;

4. Tiếp nhận quyết định trưng cầu giám định, làm thủ tục trình cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập Hội đồng giám định về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Pháp lệnh Giám định tư pháp ngày 29/9/2004 và Nghị định số 67/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Giám định tư pháp;

5. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng (Báo Bắc Kạn, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh) tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin; những phương thức, thủ đoạn mới của tội phạm; hướng dẫn các doanh nghiệp bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin thực hiện công tác phòng ngừa và hạn chế điều kiện phát sinh tội phạm;

6. Kịp thời thông báo các hoạt động tội phạm lợi dụng kỹ thuật, công nghệ mới cho các cơ quan chức năng để phối hợp đấu tranh ngăn chặn. Chịu trách nhiệm tập huấn kỹ thuật nghiệp vụ cho các lực lượng chức năng tham gia trên lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Điều 6. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Chủ trì công tác điều tra, xác minh và bắt giữ đối tượng trộm cắp cước viễn thông quốc tế, vận chuyển hàng lậu, hàng cấm trong trường hợp phát hiện dấu hiệu nghi vấn hoặc trong trường hợp có thông báo của Sở Thông tin và Truyền thông;

2. Đối với vụ việc khác do Công an tỉnh phát hiện, trường hợp cần có sự phối hợp thì kịp thời thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan. Đồng thời cung cấp các thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác phối hợp theo đề nghị của đơn vị phối hợp. Trường hợp thông tin, tài liệu đang phục vụ cho quá trình điều tra, xác minh không cung cấp được thì trả lời đơn vị phối hợp bằng văn bản;

3. Sau khi xác minh rõ đối tượng và tiến hành phá án, Công an tỉnh có trách nhiệm thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông và đơn vị tham gia phối hợp biết thời gian, địa điểm tiến hành thanh tra, kiểm tra, khám xét. Tổ chức lực lượng giám sát đối tượng trong quá trình thanh tra, kiểm tra hành chính, không để đối tượng xóa dấu vết, tẩu tán phương tiện, thiết bị, tang vật sử dụng để vi phạm;

4. Phối hợp tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra hoặc chủ trì kiểm tra khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm trong lĩnh vực BCVT và CNTT. Nhận bàn giao hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự, tiếp nhận thông tin, chủ trì công tác điều tra, xác minh và xử lý tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia; tội phạm xâm hại trật tự, an toàn xã hội. Trao đổi thông tin về các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực BCVT và CNTT theo quy định của pháp luật cho cơ quan có liên quan để xác minh và xử lý;

5. Thường xuyên trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan về âm mưu, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch và các loại tội phạm hoạt động trong lĩnh vực BCVT và CNTT; phục vụ cho công tác tuyên truyền, nâng cao cảnh giác cho cán bộ, công nhân viên các ngành liên quan.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Công Thương.

1. Chủ trì việc tổ chức kiểm tra, kiểm soát và xử lý hàng lậu, hàng cấm nhập khẩu, cấm vận chuyển qua mạng bưu chính, mạng chuyên phát; việc kinh doanh trái phép đĩa mềm, phần mềm lậu; trong việc quảng cáo, khuyến mại của các doanh nghiệp kinh doanh bưu chính, viễn thông; bán hàng đa cấp qua mạng internet;

2. Nếu phát hiện các vụ việc trái phép nêu trên có trách nhiệm chỉ đạo lực lượng Quản lý thị trường phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan tiến hành xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

3. Thường xuyên phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan để giải quyết các vấn đề như cung cấp tài liệu, xử lý vi phạm trong lĩnh vực bưu chính viễn thông kịp thời và có hiệu quả;

Điều 8. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan

1. Chủ trì công tác kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý hàng lậu, hàng cấm xuất, nhập khẩu qua mạng bưu chính, mạng chuyên phát trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật;

2. Khi phát hiện vụ việc xuất/ nhập khẩu hàng lậu, hàng cấm qua mạng bưu chính, mạng chuyên phát. Chi cục Hải quan có trách nhiệm kịp thời thông báo và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp nhận được thông báo và đề nghị phối hợp về vụ việc xuất/ nhập hàng lậu, hàng cấm qua mạng bưu chính, mạng chuyên phát của các doanh nghiệp thuộc Sở Thông tin và Truyền thông quản lý, Chi cục Hải quan có trách nhiệm kịp thời phối hợp với Sở trong việc kiểm tra, kiểm soát các túi bưu phẩm, bưu kiện, kiện hàng hoá. Nếu phát hiện thấy có hành vi vi phạm pháp luật thì phối

hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan trong việc xử lý đối tượng vi phạm;

Điều 9. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã Bắc Kạn

1. Thực hiện nghiêm các quy định của nhà nước về phòng chống tội phạm trong lĩnh vực BCVT và CNTT;

2. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật để nhân dân hiểu rõ trách nhiệm của mình và phát động phong trào toàn dân tham gia phòng chống tội phạm trong lĩnh vực BCVT và CNTT;

3. Chỉ đạo các ban ngành, chức năng, UBND các xã, phường, thị trấn và các doanh nghiệp BCVT và CNTT trên địa bàn tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong lĩnh vực BCVT và CNTT;

4. Thông báo với Sở Thông tin và Truyền thông khi phát hiện những dấu hiệu hoạt động phạm tội hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực BCVT và CNTT;

5. Hỗ trợ và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng của tỉnh trong công tác kiểm tra, xử lý các đối tượng vi phạm tại địa phương.

Điều 10. Trách nhiệm của các doanh nghiệp BCVT và CNTT

1. Nếu phát hiện dấu hiệu nghi vấn trộm cắp cước viễn thông quốc tế, vận chuyển hàng lậu, hàng cấm qua đường bưu chính, mạng chuyển phát, các hành vi vi phạm liên quan đến việc cung cấp, sử dụng dịch vụ Bưu chính, viễn thông, internet; vận chuyển, kinh doanh các thiết bị viễn thông không có chứng nhận phù với tiêu chuẩn thiết bị viễn thông hoặc không có tem chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, doanh nghiệp có trách nhiệm kịp thời báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan cho sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có thẩm quyền liên quan;

2. Thực hiện các biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ làm giảm thiệt hại, tác hại do hành vi vi phạm gây ra, cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; tạo điều kiện cho các cơ quan chức năng xác minh đối tượng vi phạm;

3. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hàng hoá gửi trong bưu phẩm, bưu kiện và các gói, kiện hàng khi tiếp nhận của khách hàng;

4. Phối hợp giữa các doanh nghiệp với nhau và với các đơn vị khác nhằm kịp thời cung cấp thông tin, tài liệu, thực hiện các biện pháp nghiệp vụ, kỹ thuật, nhằm kịp thời phát hiện, thông báo cho các cơ quan chức năng về hành vi vi phạm pháp luật;

5. Kịp thời cung cấp số liệu liên quan đến hoạt động giám định theo yêu cầu của cơ quan trung cầu giám định; chịu trách nhiệm về tiến độ và tính chính xác của số liệu đã cung cấp;

6. Giáo dục ý thức chấp hành pháp luật trong cán bộ công nhân viên và khách hàng sử dụng dịch vụ; triển khai các phương án bảo vệ, kế hoạch đảm bảo an toàn mạng lưới bưu chính, viễn thông và an ninh thông tin.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan định kỳ 1 năm một lần tổ chức họp đánh giá, trao đổi về : kết quả thực hiện, kinh nghiệm, các thông tin có liên quan và tổng hợp báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh các cơ chế, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm trong lĩnh vực BCVT và CNTT trên địa bàn tỉnh;

2. Công an tỉnh, Sở Công Thương, Chi cục Hải quan, Các doanh nghiệp BCVT và CNTT có trách nhiệm báo cáo định kỳ 6 tháng một lần các nội dung về kết quả phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực BCVT và CNTT cho Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp tiến hành sơ kết hàng năm và tổng kết định kỳ 05 năm việc thực hiện quy chế này.

Điều 12. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí đảm bảo cho công tác phối hợp được thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Việc lập dự toán kinh phí đảm bảo cho công tác phối hợp thực hiện trên nguyên tắc: Đơn vị nào chủ trì xử lý vụ việc thì lập dự toán kinh phí theo niên độ kế toán để thực hiện công tác phối hợp.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan thường trực giúp UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện quy chế này; Công an tỉnh, Sở Công Thương, Chi cục Hải quan, các địa phương và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện tốt nội dung phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

Điều 14. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trương Chí Trung